

Số: ~~12110~~ /BTC-TCT  
V/v chính sách thuế đối với dự  
án ODA.

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2011

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 2004/BNN-TC ngày 12/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chính sách thuế đối với Dự án “Tăng cường thể chế cho Trung tâm tư vấn PIM và hỗ trợ triển khai quản lý khai thác công trình thủy lợi có sự tham gia của người dân ở Sơn La và Ninh Thuận” (Dự án PIM). Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Dự án PIM được phê duyệt tại Quyết định số 3130/QĐ/BNN-HTQT ngày 24/10/2006 và được phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án tại Quyết định số 851/QĐ-BNN-HTQT ngày 26/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nội dung Quyết định số 3130/QĐ/BNN-HTQT và Quyết định số 851/QĐ-BNN-HTQT nêu trên không quy định dự án PIM được cấp vốn đối ứng để trả thuế.

Tại Điều 1 Thỏa ước tài trợ CVN 301601E ngày 24/5/2007 ký giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cơ quan phát triển Pháp quy định Cơ quan phát triển Pháp tài trợ không hoàn lại cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện Dự án PIM. Theo nội dung Phụ lục II Thỏa ước tài trợ CVN 3016 01 E và Điều 5 Văn bản bổ sung số 1 Thỏa ước tài trợ CVN 301601E thì tiền viện trợ không hoàn lại không dùng để trả thuế.

Tại Phần VI Thông tư số 123/2007/TT-BTC ngày 23/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) quy định về hiệu lực thi hành như sau:

*“Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo, thay thế Thông tư số 41/2002/TT-BTC ngày 3/5/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các qui định trái với hướng dẫn tại Thông tư này.*”

*Đối với các dự án ODA được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc xác định nghĩa vụ thuế, ưu đãi thuế thực hiện như hướng dẫn tại Thông tư số 41/2002/TT-BTC ngày 3/5/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đến khi kết thúc dự án./.”*

Tại Khoản 3 Mục I Thông tư số 41/2002/TT-BTC ngày 03/5/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) quy định:



“Trường hợp tại điều ước quốc tế (kể cả điều ước quốc tế về ODA) mà Chính phủ Việt Nam ký kết hoặc tham gia có qui định về thuế liên quan đến việc thực hiện một dự án ODA cụ thể, mà các quy định về thuế khác với hướng dẫn tại Thông tư này, thì việc áp dụng chính sách thuế đối với dự án ODA đó thực hiện theo các điều ước quốc tế đã ký kết”.

Tại Điều 1.2 Mục III Thông tư số 41/2002/TC-BTC nêu trên quy định:

“1.2. Thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá, dịch vụ mua tại Việt Nam:

Chủ dự án ODA không hoàn lại được hoàn lại số thuế giá trị gia tăng đã trả khi trực tiếp mua hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tại Việt Nam để thực hiện dự án ODA không hoàn lại như hướng dẫn tại điểm 3, Mục IV, Thông tư này.

Nhà thầu chính (không phân biệt là đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp), khi xây lắp công trình hoặc cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho các chủ dự án ODA không hoàn lại, không phải tính thuế GTGT đầu ra và được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hoá, dịch vụ dùng để xây lắp công trình hoặc sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho chủ dự án ODA không hoàn lại như hướng dẫn tại điểm 3, Mục IV, Thông tư này...”.

Tại Điều 2.1 Công văn số 7711 TC/TCT ngày 13/7/2005 của Bộ Tài chính về việc tăng cường quản lý thuế và quản lý tài chính đối với dự án sử dụng vốn ODA quy định việc hoàn thuế GTGT như sau:

“ 2.1. Đối với dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại và dự án ODA vay ưu đãi được NSNN cấp phát, chủ dự án phải xác định đúng đối tượng được hoàn thuế GTGT và đối tượng nộp thuế GTGT trên cơ sở hợp đồng đã được phê duyệt, cụ thể: nếu hợp đồng đã ký và được phê duyệt bao gồm số thuế GTGT và chủ dự án không được cấp vốn để trả thuế GTGT thì chủ dự án thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT, nhà thầu chính nộp thuế GTGT theo qui định hiện hành; nếu hợp đồng đã ký và phê duyệt không bao gồm thuế GTGT thì chủ dự án không phải trả thuế GTGT và nhà thầu chính thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT”.

Căn cứ các quy định trên, chính sách thuế đối với Dự án PIM như sau:

### **1. Về thuế GTGT:**

Trường hợp Dự án PIM sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại; Chủ dự án không được cấp vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì:

- Nếu Hợp đồng ký giữa Chủ dự án và nhà thầu chính đã bao gồm thuế GTGT thì Chủ dự án thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT, nhà thầu chính nộp thuế GTGT theo quy định hiện hành.

- Nếu Hợp đồng ký giữa Chủ dự án và nhà thầu chính không bao gồm thuế GTGT thì Chủ dự án không phải trả thuế GTGT, nhà thầu chính không phải tính thuế GTGT đầu ra và được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hoá, dịch vụ phục vụ dự án ODA.

## 2. Về thuế TNDN của nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài thực hiện Dự án PIM là đối tượng cư trú của nước hoặc vùng lãnh thổ có Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam thì nghĩa vụ thuế của nhà thầu nước ngoài được áp dụng theo quy định tại Hiệp định đã được ký kết.

Bộ Tài chính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu chủ dự án cung cấp các tài liệu cần thiết và liên hệ với Cục Thuế địa phương để được hướng dẫn cụ thể.

Bộ Tài chính trả lời đề Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế thành phố Hà Nội;
- Cục QLNN&TCĐN;
- Vụ HCSN, Vụ PC, Vụ CST (BTC);
- Website TCT;
- Lưu: VT, TCT (VT, HTQT, PC (4b), CS(2b)).



KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn